

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/02/2023
V/v “Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thiện Hoàn;
2. Ông Nguyễn Thế Hùng.

- Thư ký ghi biên bản: Bà Triệu Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 516/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 900/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Cẩm T, sinh năm 1995, cư trú: số 117, ấp P, xã L, thị xã C, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Ông Đinh Quang G (Phong), sinh năm 1993, cư trú: tổ 30, ấp V, xã H, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa bà T vắng có đơn, ông G vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng bà Hồ Thị Cẩm T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông G là do người lớn mai mối, định đoạt, tổ chức đám cưới vào năm 2017 và đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã H năm 2019.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc tuy có mâu thuẫn nhưng được hai bên gia đình hàn gắn. Đến tháng 10/2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, ông G sinh tật cờ bạc, đá gà gây cảnh nợ nần, bà lên tiếng khuyên ngăn thì ông G dùng nhiều lời lẽ xúc phạm bà cùng gia đình, kinh tế gia đình không đủ trang trải do có con nhỏ nên rất khó khăn, không khí gia đình vô cùng ngột ngạt.

Gia đình hai bên không hàn gắn để vợ chồng bà tự giải quyết. Từ đó đến nay bà và ông G sống ly thân, ông G có liên hệ để hàn gắn nhưng bà nhất quyết không đồng ý thì ông G nhấn tin đe dọa, nói chuyện xúc phạm bà. Nay nhận thấy tình cảm không còn, có quay về chung sống cũng không hạnh phúc nên bà xin ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đinh Quang H, sinh ngày 20/02/2020, hiện do bà chăm sóc. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu không tiến hành hòa giải tình cảm mà đưa vụ án ra xét xử do bà kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông G.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông G theo quy định nhưng ông vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của ông G và bà T để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo biên bản xác minh ngày 23/12/2022 tại Công an xã H xác định ông Đinh Quang G vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tổ 30, ấp V, xã H, huyện A, tỉnh An Giang chưa có thông tin tách, chuyển đi nơi khác.

Về mâu thuẫn hôn nhân: Ông Hồ Văn N – em ruột bà T cho biết hôn nhân của ông đúng như lời bà T trình bày. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên sau khi kết hôn vợ chồng bà đi Tây Ninh để kiếm việc làm, từ khi có con nhỏ thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, ông G sinh tật cờ bạc, đá gà gây cảnh nợ nần. Nhiều lần bà T cùng gia đình khuyên ngăn nhưng không được, ông G

dùng nhiều lời lẽ xúc phạm bà T. Nay gia đình để ông bà tự giải quyết, không can thiệp.

Tại phiên tòa, bà T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng ông G đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà T và ông G chung sống đến năm 2022 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông G hiện có địa chỉ cư trú tại xã H, huyện A, tỉnh An Giang. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Cẩm T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà T và ông G xây dựng gia đình dựa trên sự tự nguyện, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh An Giang vào ngày 13/02/2019 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng bà T vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông G. Ông G nhận được các thông báo của Tòa án nhưng không đến thể hiện việc bỏ mặc không có ý định hàn gắn tình cảm với bà T.

Tại phiên tòa hôm nay bà T vắng mặt đã thể hiện việc kiên quyết ly hôn và không thể quay lại chung sống với ông G. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn ông bà phát sinh từ đầu năm 2022 đến nay cả hai không có giải pháp hàn gắn, gia đình

hai bên để ông bà tự quyết định và nhìn nhận mâu thuẫn của ông bà dù có quay lại ông bà chung sống cũng không hạnh phúc.

Bà T cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là do ông G cờ bạc, đá gà gây cảnh nợ nần trong khi hoàn cảnh gia đình khó khăn. Nhiều lần bà T cùng gia đình khuyên ngăn nhưng không được, ông G dùng nhiều lời lẽ xúc phạm bà cùng gia đình. Bà và ông G đã ly thân từ tháng 10/2022 đến nay không hàn gắn được. Mâu thuẫn vợ chồng ông bà phù hợp với lời trình bày của ông Hồ Văn N là em ruột của bà T. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Đinh Quang H, sinh ngày 20/02/2020, hiện do bà chăm sóc. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi ly thân đến nay, cháu H chưa đủ 36 tháng tuổi được bà T nuôi dạy, chăm sóc, tình cảm mẹ - con gắn bó, việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của các cháu sau này. Do đó, việc tiếp tục giao con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh hiện tại và quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà T không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Cẩm T.

1. Về hôn nhân: Bà Hồ Thị Cẩm T được ly hôn với ông Đinh Quang G.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11 ngày 13/02/2019 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh An Giang mang tên bà Hồ Thị Cẩm T và ông Đinh Quang G không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Hồ Thị Cẩm T được tiếp tục nuôi dạy 01 con chung tên Đinh Quang H, sinh ngày 20/02/2020. Công nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Bà Hồ Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007934 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (bà T nộp đủ). Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/02/2023), thời hạn kháng cáo của bà T và ông G được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp
- Lưu hs

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thảo Ngân